

Số: 03 /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 12 tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt biên chế công chức trong các cơ quan,  
tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018;

Xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND-PC ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2018 là: **1.969** biên chế (có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội

đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

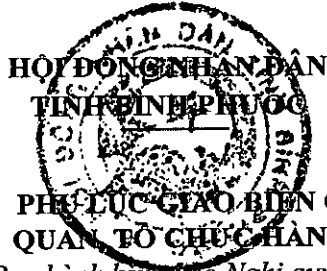
**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH** *Handwritten signature*

**Trần Tuệ Hiền**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG GIẢI BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2018 CHO CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03 /NQ-HĐND ngày 12 / 7 /2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao	Ghi chú
<b>A</b>	<b><u>CẤP TỈNH</u></b>	<b>1.006</b>	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	24	Giảm với tỷ lệ 4,0%
2	Văn phòng UBND tỉnh	47	Giảm với tỷ lệ 4,1%
3	Sở Nội vụ	65	Giảm với tỷ lệ 4,4%
4	Thanh tra tỉnh	29	Giảm với tỷ lệ 3,3%
5	Sở Tư pháp	29	Giảm với tỷ lệ 3,3%
6	Sở Tài chính	43	Giảm với tỷ lệ 2,3%
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	36	Giảm với tỷ lệ 7,7%
8	Sở Công Thương	91	Giảm với tỷ lệ 2,2%
9	Sở Giao thông vận tải	54	Giảm với tỷ lệ 1,8%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	23	Giảm với tỷ lệ 4,2%
11	Sở Xây dựng	50	Giảm với tỷ lệ 2,0%
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	198	Giảm với tỷ lệ 3,9%
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	55	Giảm với tỷ lệ 2,0%
14	Sở Khoa học & Công nghệ	33	Giảm với tỷ lệ 5,7%
15	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	44	Giảm với tỷ lệ 4,3%
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37	Giảm với tỷ lệ 7,5%
17	Sở Y tế	63	Giảm với tỷ lệ 3,1%
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	Giảm với tỷ lệ 3,7%
19	Ban Dân tộc	17	Giảm với tỷ lệ 5,6%
20	Sở Ngoại vụ	16	Giảm với tỷ lệ 5,9%
<b>B</b>	<b><u>CẤP HUYỆN</u></b>	<b>921</b>	
1	UBND thị xã Đồng Xoài	87	Giảm với tỷ lệ 1,1%
2	UBND thị xã Bình Long	82	Giảm với tỷ lệ 2,4%

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao	Ghi chú
3	UBND thị xã Phước Long	80	Giảm với tỷ lệ 4,8%
4	UBND huyện Đồng Phú	86	Giảm với tỷ lệ 1,1%
5	UBND huyện Chơn Thành	83	Giảm với tỷ lệ 1,2%
6	UBND huyện Hớn Quản	82	Giảm với tỷ lệ 2,4%
7	UBND huyện Lộc Ninh	88	Giảm với tỷ lệ 2,2%
8	UBND huyện Bù Đốp	83	Giảm với tỷ lệ 1,2%
9	UBND huyện Bù Đăng	87	Giảm với tỷ lệ 3,3%
10	UBND huyện Bù Gia Mập	82	Giảm với tỷ lệ 4,7%
11	UBND huyện Phú Riềng	81	Giảm với tỷ lệ 2,4%
<b>C</b>	<b>BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG</b>	<b>10</b>	
<b>D</b>	<b>BQL Khu kinh tế tỉnh</b>	<b>32</b>	
	<b>Tổng cộng (A+B+C+D)</b>	<b>1.969</b>	

**Ghi chú:**

- 32 BC của BQL Khu kinh tế tỉnh năm 2017 là tạm giao + 01 biên chế điều chuyển từ VP UBND tỉnh về BQL Khu kinh tế, năm 2018 giao chính thức 32 BC (vì giảm theo tỷ lệ 2,5%/2018 là 01 BC).
- Năm 2018 số biên chế giảm 63 BC công chức: 63 BC - (30 BC do Bộ Nội vụ giảm + 32 BC giao cho BQL Khu kinh tế) = 01 (làm biên chế dự phòng công chức năm 2018; Năm 2018 biên chế dự phòng công chức của tỉnh là: 9 + 01 = 10 BC).
- UBND huyện Phú Riềng: Chỉ được sử dụng không vượt 75 biên chế (do cắt giảm ngay 10% biên chế đến năm 2021 và giảm kinh phí chi thường xuyên cho 02 biên chế/01 năm, tương đương giảm 2,5%/năm).
- Riêng những cơ quan năm 2018, bị cắt giảm biên chế vượt tỷ lệ 2,5%/năm như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, TT và DL, UBND thị xã Phước Long, UBND huyện Bù Gia Mập, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc... thì những năm tiếp theo sẽ không cắt giảm. Ngược lại, những cơ quan năm 2018 chưa cắt đủ tỷ lệ 2,5%/năm thì những năm tiếp theo sẽ cắt giảm tỷ lệ cao hơn 2,5%/năm (đảm bảo mỗi cơ quan tỉnh giảm biên chế từ năm 2018 đến năm 2021 là 10%, tương đương mỗi năm 2,5%).